

Họ và tên HS:

Lớp : 1A...

Điểm	Nhận xét của giáo viên
	
	

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống: (1 điểm)

a. $\bigcirc \Rightarrow \bigcirc 1 \Rightarrow \bigcirc \Rightarrow \bigcirc \Rightarrow \bigcirc \Rightarrow \bigcirc 5 \Rightarrow \bigcirc$

b. $\bigcirc \Leftarrow \bigcirc \Leftarrow \bigcirc 6 \Leftarrow \bigcirc 7 \Leftarrow \bigcirc \Leftarrow \bigcirc 9 \Leftarrow \bigcirc$

Bài 2: Tính (1,5 điểm)

$9 - 3 = \dots$

$3 + 7 = \dots$

$4 - 4 + 9 = \dots$

$8 - 4 = \dots$

$10 - 5 = \dots$

$7 + 2 - 6 = \dots$

Bài 3: Điền dấu >, =, < thích hợp vào chỗ chấm: (2 điểm)

$9 \dots 10$

$3 + 3 \dots 7 - 2$

$0 \dots 6 - 6$

$10 - 8 + 6 \dots 2 + 4 + 3$

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S (1 điểm)

$4 + 4 = 10 - 2$

☐

$7 + 0 > 6$

☐

$3 + 2 < 5 - 1 - 1$

☐

$2 + 3 < 3 + 2$

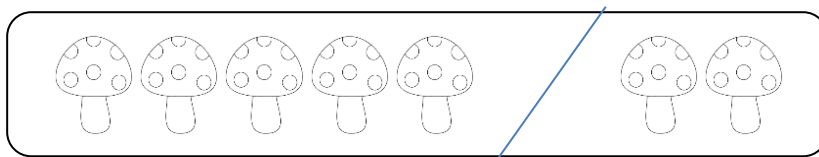
☐

Bài 5: Viết các số: 5, 9, 2, 6 theo thứ tự: (2 điểm)

- Từ bé đến lớn:

- Từ lớn đến bé:

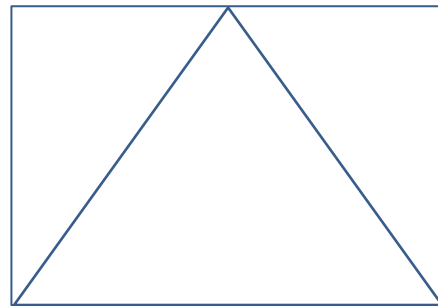
Bài 6: Viết phép tính phù hợp với hình vẽ: (1 điểm)



--	--	--	--	--

Bài 7: Hình bên có: (1 điểm)

- Có hình tam giác.
- Có hình chữ nhật.



Bài 8 : Điền dấu +, - vào ô trống để có phép tính đúng: (0,5 điểm)

$$2 \quad \square \quad 4 \quad \square \quad 4 = 2$$

HƯỚNG DẪN CHẤM KTĐK CUỐI HKI

Năm học: 2022 -2023

MÔN TOÁN - LỚP 1

Bài 1: (1 điểm) Mỗi dãy số điền đúng được 0.5 điểm

Bài 2: (1.5 điểm) Mỗi phép tính đúng được 0.25 điểm

Bài 3: (2 điểm) Mỗi dấu điền đúng được 0.5 điểm

Bài 4: (1 điểm) Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

Bài 5: (2 điểm) Xếp thứ tự đúng mỗi phần được 1 điểm

Bài 6: (1 điểm) Phép tính đúng được 1 điểm

Bài 7: (1 điểm)

- Đếm đúng 3 hình tam giác được 0.5 điểm

- Đếm đúng 1 hình chữ nhật được 0.5 điểm

Bài 8: (0.5 điểm) Điền đúng được 0.5 điểm.